



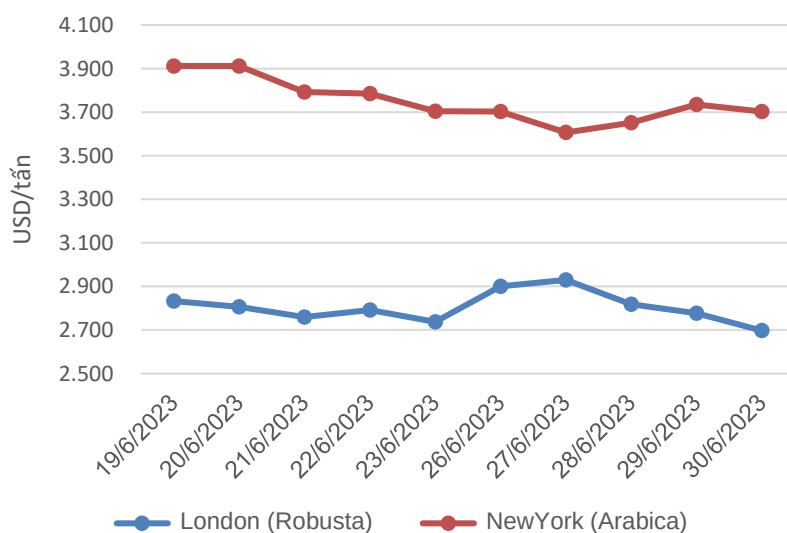
BẢN TIN TUẦN CÀ PHÊ

TUẦN 26
(26.06.2023 – 30.06.2023)

ĐIỂM TIN

- ❖ Giá cà phê Robusta kỳ hạn tháng 9/2023 tăng 1,39% so với tuần trước đạt mức bình quân 2.824 USD/tấn.
- ❖ Giá cà phê Arabica kỳ hạn tháng 9/2023 giảm 3,7% so với tuần trước đạt mức bình quân 3.680 USD/tấn.
- ❖ Quý I/2023, nhập khẩu cà phê của Anh đạt 51.360 tấn, trị giá 322,26 triệu USD, giảm 20% về lượng và giảm 8,6% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022.
- ❖ 4 tháng đầu năm 2023, sản lượng cà phê nhập khẩu của Nhật Bản đạt 108,5 nghìn tấn, trị giá 443,18 triệu USD, giảm 30,5% về lượng và giảm 29,0% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022.

THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI



Nguồn: Sàn kỳ hạn ICE. www.theice.com

Thị trường London kỳ hạn tháng 09/2023 có xu hướng tăng trở lại sau tuần giảm nhẹ. Giá cà phê Robusta trung bình đạt 2.824 USD/tấn, tăng 1,35% so với tuần trước, và tăng 39,4% so với cùng kỳ năm 2022. Giá cao nhất trong tuần đạt 2.930 USD/tấn, giá thấp nhất là 2.697 USD/tấn. [1]

Thị trường New York kỳ hạn tháng 9/2023 tiếp tục giảm so với tuần trước. Giá cà phê Arabica bình quân đạt 3.680 USD/tấn, giảm 3,7% so với mức giá tuần trước, và giảm 25,9% so với cùng kỳ năm 2022. Giá cao nhất trong tuần đạt 3.736 USD/tấn, giá thấp nhất trong tuần đạt 3.607 USD/tấn. [1]

Theo số liệu từ Trung tâm Thương mại Quốc tế, Quý I/2023, Anh gặp khó khăn kinh tế với mức lạm phát cao, dẫn đến việc giảm nhập khẩu cà phê. Tổng lượng nhập khẩu cà phê của Anh trong Quý I đạt 51.360 tấn, trị giá 322,26 triệu USD, giảm 20% về lượng và giảm 8,6% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022. Anh đã giảm nhập khẩu tất cả các loại cà phê trong quý này. Trong đó, nhập khẩu cà phê, trừ cà phê rang xay và loại bỏ caffein (HS 090111) giảm 20,2% về lượng và giảm 17,6% về trị giá so với cùng kỳ năm ngoái, đạt 37.750 tấn, trị giá 153,45 triệu USD. Cà phê rang, không bao gồm cà phê đã khử caffein (HS 090121) đạt 11.370 tấn, trị giá 152,1 triệu USD, giảm 14,9% về lượng, nhưng tăng 5,1% về trị giá so với cùng kỳ năm ngoái. [2]

Anh đã nhập khẩu cà phê từ khoảng 80 quốc gia và vùng lãnh thổ. Trong Quý I/2023, Anh giảm nhập khẩu cà phê từ hầu hết các nguồn cung chủ yếu, nhưng tăng nhập khẩu từ Indonesia. Brazil vẫn là nguồn cung cà phê lớn nhất cho Anh, nhưng nhập khẩu từ Brazil đã giảm 19,5% về lượng và 14,3% về trị giá so với cùng kỳ năm trước. Thị phần cà phê của Brazil trong tổng lượng nhập khẩu của Anh đã tăng nhẹ từ 22,83% lên 22,99%. [2]

Trong khi đó, nhập khẩu cà phê của Anh từ Việt Nam đã giảm đáng kể, giảm 37,3% về lượng và 39,5% về trị giá so với cùng kỳ năm trước, đạt 9.340 tấn, trị giá 21,38 triệu USD. Thị phần cà phê của Việt Nam trong tổng lượng nhập khẩu của Anh giảm từ 23,22% xuống 18,2%. [2]

Ngược lại, trong Quý I/2023, nhập khẩu cà phê của Anh từ Indonesia tăng 40,2% về lượng và tăng 9,8% về trị giá so với cùng kỳ năm ngoái, đạt 4.970 tấn, trị giá trên 12 triệu USD. Thị phần cà phê của Indonesia trong tổng lượng nhập khẩu của Anh tăng từ 5,52% trong quý I/2022 lên 9,67% trong Quý I/2023. [2]

Theo số liệu từ Trung tâm Thương mại Quốc tế, 4 tháng đầu năm 2023, sản lượng cà phê nhập khẩu của Nhật Bản đạt 108,5 nghìn tấn, trị giá 443,18 triệu USD, giảm 30,5% về lượng và giảm 29,0% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022. Trong 4 tháng đầu năm 2023, Nhật Bản giảm nhập khẩu tất cả các chủng loại cà phê. Cụ thể, nhập khẩu cà phê, trừ cà phê rang xay và loại bỏ caffein (HS

090111) giảm 30,5% về lượng và giảm 29,9% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022, đạt 105,62 nghìn tấn, trị giá 400,36 triệu USD. Tỷ trọng nhập khẩu chủng loại cà phê này chiếm tới 97,35% tổng về lượng và chiếm 97,45% tổng về giá trị trong 4 tháng đầu năm nay. Việt Nam là nguồn cung cà phê lớn nhất của Nhật Bản trong 4 tháng đầu năm 2023 đạt gần 36 nghìn tấn, trị giá 78,26 triệu USD, giảm 22,1% về lượng và 22,7% về giá trị so với cùng kỳ năm 2022. Tương tự, Nhật Bản giảm nhập khẩu cà phê của Brazil, giảm 22,3% về lượng, đạt 32,75 nghìn tấn và giảm 12,3% về giá trị, đạt 129 triệu USD. [3]

Theo các nhà phân tích, ngành cà phê Brazil dự kiến sẽ thay đổi cách pha trộn trong niên vụ 2023-2024 để tăng sử dụng hạt Arabica và giảm lượng cà phê Robusta do giá cả. Dự kiến tiêu thụ cà phê Arabica tại Brazil sẽ tăng gấp đôi lên 6,6 triệu bao loại 60kg, trong khi tiêu thụ cà phê Robusta sẽ giảm từ 18,7 triệu bao xuống 15,5 triệu bao. Đây là những thay đổi trong cách pha trộn đã diễn ra trong hai năm qua, khi các ngành công nghiệp sử dụng cà phê Robusta nhiều hơn để tránh tăng giá cà phê Arabica sau đợt sương giá và hạn hán ở Brazil. Theo nhà phân tích cà phê Gil Barabach từ công ty tư vấn Safras & Mercado, các nhà rang xay Brazil sẽ tìm kiếm cà phê Arabica chất lượng thấp hơn, vì có khả năng lượng cà phê loại này có thể cao hơn trong mùa này do mưa trong quá trình thu hoạch. [4]

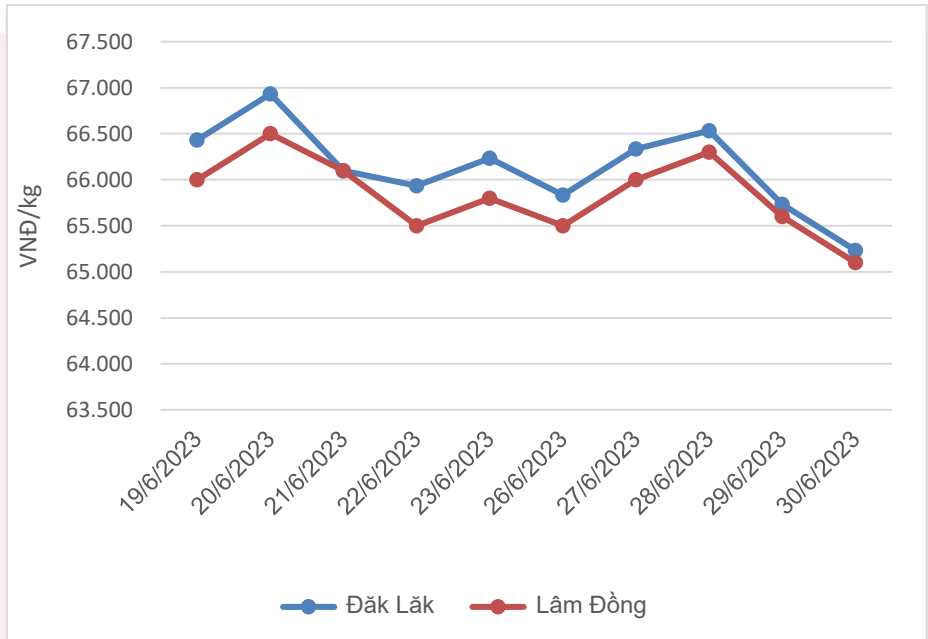
Theo dữ liệu hải quan của Rabobank, tại khu vực EU và Anh, nhập khẩu cà phê Robusta chiếm 36,3% tổng nhập khẩu cà phê trong 12 tháng tính đến tháng 3, tăng so với 31,5% trong năm trước. Tương tự, tỷ trọng nhập khẩu cà phê Robusta trong tổng nhập khẩu cà phê của Nhật Bản cũng tăng từ 29,5% trong 12 tháng tính đến tháng 3 năm 2020 lên 36,2% trong năm tính đến tháng 3 năm nay. [4]

Theo USDA Foreign Agriculture Service (FAS), sản lượng cà phê của Colombia trong niên vụ 2023/24 sẽ tăng khoảng 2,7% khi điều kiện thời tiết được cải thiện, sản lượng dự kiến sẽ đạt khoảng 11,6 triệu bao (bao 60kg). Một phần nguyên nhân của sự phục hồi này do giá cà phê cao khuyến khích người dân cải tạo các trang trại cà phê già cỗi. [5]

ĐIỂM TIN

- ❖ Giá cà phê Robusta trung bình tại các tỉnh Tây Nguyên tiếp tục tăng so với tuần trước. Giá trung bình tại Đắk Lắk là 65.933 VNĐ/kg, và tại Lâm Đồng là 65.700 VNĐ/kg.
- ❖ Tháng 5/2023, xuất khẩu cà phê của Việt Nam sang thị trường Nhật Bản đạt 10,88 nghìn tấn, trị giá 30,26 triệu USD tăng 46% về lượng và tăng 35,8% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022.
- ❖ Theo Viện Quy hoạch và Thiết kế Nông nghiệp và Cục Trồng trọt (Bộ NN-PTNT), diện tích cà phê của Việt Nam hiện nay đã vượt quy hoạch, do đó 10 năm tới sẽ không mở rộng mà tập trung tái canh, nâng cao năng suất, giá trị gia tăng.
- ❖ Lễ hội Cà phê Sơn La lần thứ nhất năm 2023 dự kiến sẽ được tổ chức vào tháng 10/2023.

THỊ TRƯỜNG VIỆT NAM



Nguồn: CTV AgroInfo

Giá cà phê trung bình tại các tỉnh Tây Nguyên tuần này giảm nhẹ so với tuần trước. Tại Đắk Lắk, giá cà phê Robusta bình quân trong tuần đạt 65.933VNĐ/kg, giảm 0,57% so với tuần trước và tăng 53,79% so với cùng kỳ năm 2022. Tại Lâm Đồng, giá cà phê Robusta giảm 0,42% so với tuần trước, xuống mức bình quân 65.700 VNĐ/kg, nhưng tăng 54,81% so với cùng kỳ năm 2022. [6]

Theo số liệu thống kê từ Tổng cục Hải quan, tháng 5/2023, xuất khẩu cà phê của Việt Nam sang thị trường Nhật Bản đạt 10,88 nghìn tấn, trị giá 30,26 triệu USD, giảm 1,4% về lượng, nhưng tăng 4,7% về trị giá so với tháng 4/2023; so với tháng 5/2022 tăng 46% về lượng và tăng 35,8% về trị giá. Tính chung 5 tháng đầu năm 2023, xuất khẩu cà phê của Việt Nam sang thị trường Nhật Bản đạt 48,68 nghìn tấn, trị giá 128,57 triệu USD, giảm 7,4% về lượng và giảm 2,7% về trị giá so với cùng kỳ năm ngoái. [7]

Tháng 5/2023, giá xuất khẩu bình quân cà phê của Việt Nam sang Nhật Bản đạt mức 2.780 USD/tấn, tăng 6,2% so với tháng 4/2023, nhưng giảm 7,0% so với tháng 5/2022. Tính chung 5 tháng đầu năm 2023, giá xuất khẩu bình quân cà phê của Việt Nam sang Nhật Bản ở mức 2.641 USD/tấn, tăng 5,1% so với cùng kỳ năm ngoái. [7]

Tháng 5/2023, xuất khẩu cà phê Robusta và cà phê chế biến của Việt Nam sang Nhật Bản tăng, nhưng xuất khẩu cà phê Arabica giảm so với cùng kỳ năm ngoái. Thống kê sơ bộ từ số liệu của Tổng cục Hải quan cho thấy, xuất khẩu cà phê Robusta của Việt Nam sang Nhật Bản trong tháng 5/2023 đạt 9,52 nghìn tấn, trị giá 22,36 triệu USD

tăng 91,4% về lượng và tăng 126,6%; cà phê chế biến đạt 6,44 triệu USD, tăng 9,4%. Ngược lại, xuất khẩu cà phê Arabica sang Nhật Bản giảm 79,6% về lượng và giảm 77,7% về trị giá, đạt 274 tấn, trị giá 1,45 triệu USD. Tính chung 5 tháng đầu năm 2023, xuất khẩu cà phê Robusta và Arabica của Việt Nam sang Nhật Bản giảm lần lượt 6,8% và 33,5% về lượng; giảm 3,1% và 35% về trị giá, đạt lần lượt 41,23 nghìn tấn và 2,18 nghìn tấn, trị giá 86,86 triệu USD và 10,17 triệu USD. Ngược lại, xuất khẩu cà phê chế biến sang Nhật Bản tăng 16,9% so với cùng kỳ năm ngoái, đạt 31,53 triệu USD. [7]

Viện Quy hoạch và Thiết kế Nông nghiệp và Cục Trồng trọt (Bộ NN-PTNT) cùng phối hợp với các tỉnh Tây Nguyên vừa tổ chức hội thảo về xây dựng đề án “Phát triển cây công nghiệp chủ lực đến năm 2030”. Theo báo cáo tại hội thảo, diện tích cà phê Việt Nam năm 2022 đạt 709 nghìn ha, tăng 1,21 lần so với năm 2012. Tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2011 - 2022 đạt trên 2%/năm. Năng suất bình quân cả nước năm 2022 đạt 29 tạ/ha, tăng 1,24 lần so với năm 2011. Sản lượng tăng từ 1,277 triệu tấn năm 2011 lên 1,886 triệu tấn năm 2022. Trong đó, diện tích cà phê trên 15 năm tuổi tại Tây Nguyên hiện nay khoảng hơn 132 nghìn ha, chiếm trên 50% diện tích của vùng; diện tích cà phê chè già cỗi chiếm trên 27%. Theo bà Cao Phương Nhung (Viện Quy hoạch và Thiết kế Nông nghiệp), diện tích cà phê nước ta đến thời điểm hiện tại (năm 2022) đã đạt 709 nghìn ha, tăng gấp 1,42 lần so với quy hoạch được duyệt năm 2012. Điều này đã phá vỡ quy hoạch và ảnh hưởng lớn đến năng suất, chất lượng cũng như giá trị của cà phê Việt Nam. Do vậy, Việt Nam trong giai đoạn đến năm 2030 sẽ không mở rộng diện tích trồng mới, chỉ phát triển dựa trên các vùng điều kiện tự nhiên và kinh tế - xã hội đặc biệt phù hợp, trên cơ sở cải tạo các vườn cà phê hiện có và trồng tái canh cà phê đối với diện tích già cỗi, kém năng suất. [8]

Lễ hội Cà phê Sơn La lần thứ nhất năm 2023 dự kiến sẽ được tổ chức vào tháng 10/2023 với quy mô cấp tỉnh. Lễ hội diễn ra trong 4 ngày với nhiều hoạt động, như Hội chợ triển lãm “Cà phê Sơn

La”; Hội thảo nâng cao chất lượng cà phê Sơn La; Hội nghị kết nối giao thương sản phẩm cà phê; trưng bày ảnh đẹp về Cà phê Sơn La. Cùng với đó, sẽ diễn ra các hoạt động: Hội thi nhà nông đua tài; đêm Gala cà phê; tổ chức các tour du lịch trải nghiệm, khám phá tour du lịch cà phê...

Sơn La là địa phương có diện tích cà phê lớn nhất miền Bắc với khoảng 17.000 ha và sản lượng khoảng 30.000 tấn cà phê nhân mỗi năm. Từ năm 2017, cà phê Sơn La đã được cấp giấy chứng nhận chỉ dẫn địa lý “Cà phê Sơn La” cho các sản phẩm như cà phê nhân, cà phê hạt rang và cà phê bột. Đây là những sản phẩm đặc sản vùng miền được người tiêu dùng trong và ngoài nước đánh giá cao. Tỉnh Sơn La đã đặt ra các định hướng, mục tiêu và giải pháp chiến lược để nâng cao giá trị và thương hiệu của cây cà phê.

Nguồn tham khảo:

1. <https://www.investing.com/>
2. https://moit.gov.vn/upload/2005517/fck/files/B_n_tin_Th_tr_ng_NLT_S_10_6_2023_9998c.pdf
3. https://moit.gov.vn/upload/2005517/fck/files/B_n_tin_Th_tr_ng_NLT_S_21_6_2023_d262f.pdf
4. <https://www.reuters.com/article/brazil-coffee-consumption-idUSKBN2Y91A5>
5. <https://dailycoffeenews.com/2023/06/27/colombia-coffee-annual-production-rebounds-volcano-looms-large/>
6. Cộng tác viên khu vực Tây Nguyên
7. https://moit.gov.vn/upload/2005517/fck/files/B_n_tin_Th_tr_ng_NLT_S_21_6_2023_d262f.pdf
8. <https://nongnghiep.vn/khong-tang-dien-tich-ca-phe-tap-trung-tai-can-h-d353934.html>
9. <https://congthuong.vn/le-hoi-ca-phe-son-la-lan-thu-nhat-dien-ra-vao-thang-102023-258953.html>

Giá cà phê nhân xô

Đơn vị: VNĐ/kg

Tỉnh/ huyện	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Trung bình	Tăng/ giảm
LÂM ĐỒNG	65.500	66.000	66.300	65.600	65.100	65.700	-280
Di Linh	65.500	66.000	66.300	65.600	65.100	65.700	-280
Lâm Hà	65.500	66.000	66.300	65.600	65.100	65.700	-280
Bảo Lộc	65.500	66.000	66.300	65.600	65.100	65.700	-280
ĐẮK LẮK	65.833	66.333	66.533	65.733	65.233	65.933	-393
Cư M'gar	65.900	66.400	66.600	65.800	65.300	66.000	-380
Ea H'leo	65.800	66.300	66.500	65.700	65.200	65.900	-400
Buôn Hồ	65.800	66.300	66.500	65.700	65.200	65.900	-400
ĐẮK NÔNG	66.150	66.550	66.750	65.950	65.450	66.170	-460
Gia Nghĩa	66.200	66.600	66.800	66.000	65.500	66.220	-460
Đắk R'lấp	66.100	66.500	66.700	65.900	65.400	66.120	-460
GIA LAI	65.633	66.033	66.333	65.633	65.133	65.753	-360
Chư Prông	65.700	66.100	66.400	65.700	65.200	65.820	-360
Pleiku	65.600	66.000	66.300	65.600	65.100	65.720	-360
La Grai	65.600	66.000	66.300	65.600	65.100	65.720	-360
KON TUM	65.700	66.100	66.400	65.700	65.200	65.820	-300
Đắk Hà	65.700	66.100	66.400	65.700	65.200	65.820	-300

Nguồn: CTV Agroinfo, Giacaphe.com



Bản tin được thực hiện bởi **AGROiNFO**

VIỆN CHÍNH SÁCH VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN

TRUNG TÂM THÔNG TIN PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN

Địa chỉ: 16 Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội

Email: info@agro.gov.vn

Website: www.agro.gov.vn